

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **95/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/8/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Thu Đoàn

2. Ông Nguyễn Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2- Bị đơn: Anh **Trần Văn M1**, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Đội 11, thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị M có mặt, anh M1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-2-2020, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị tự tìm hiểu rồi kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào 24-8-2017. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2018 thì chị bị bệnh nên anh M1 đối xử không tốt với chị. Từ tháng 8 năm 2018 đến nay thì vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, hiện chị thấy tình cảm giữa chị và anh M1 không còn. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn M1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Bảo N , sinh ngày: 02-5-2017 hiện con đang sống chung nhà với anh M1. Khi ly hôn chị giao cho anh M1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú mà anh Trần Văn M1 không trình bày ý kiến, không đến Tòa và tại phiên tòa hôm nay anh M1 cũng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quy định với Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Trần Văn M1;

- Về con chung: Giao anh M1 được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên là Trần Bảo N , sinh ngày: 02-5-2017. Chị M không cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có mặt, anh Trần Văn M1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt anh M1 là đúng quy định với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn M1 tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào

24-8-2017. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị M có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh chị sống không hợp nhau, không xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị M và anh M1 đã sống ly thân phần ai nấy sống đã hơn một năm, không quan tâm lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tổ chức phiên họp hòa giải nhưng anh M1 vắng mặt không có lý do, không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ anh M1 không còn mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp.

[4] Về con chung: Xét thấy anh M1 hiện đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Trần Bảo N, sinh ngày: 02-5-2017. HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu, cần giao cho anh M1 được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị M khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị M chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Trần Văn M1. Chị M được ly hôn với anh M1.

2. Về con chung: Giao anh Trần Văn M1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Trần Bảo N, sinh ngày: 02-5-2017. Chị M không cấp dưỡng nuôi con.

Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị M khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0002017 ngày 28-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện S,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Ủy ban nhân dân xã T,
huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

Thượng Trọng Ký